

TIẾNG ANH 9

UNIT 1:

NOUN	VERB	ADJECTIVE	ADVERB
_____ : ấn tượng	impress: gây ấn tượng	_____ : gây ấn tượng	_____ : đầy ấn tượng
- friend: người bạn - _____ : sự thân thiện, lòng mến khách - _____ : tình bạn		friendly: thân thiện	_____ : một cách thân thiện
- _____ : người viết thư, phóng viên - correspondence: quan hệ thư từ	correspond: trao đổi thư từ, tương ứng với	_____ : tương ứng với	_____ : tương ứng
religion: tôn giáo		_____ : thuộc tôn giáo	
_____ : sự phụ thuộc	depend: phụ thuộc	_____ : phụ thuộc	
office: lễ nghi		_____ : chính thức	
industry: công nghiệp		_____ : thuộc công nghiệp	
_____ : sự phân chia	divide: chia, phân chia		
	compel: bắt buộc	_____ : bắt buộc	
_____ : sự chia cắt	separate: tách ra		
interest: sự quan tâm, điều thích thú	interest: làm cho ai thích thú	- _____ : thú vị - _____ : quan tâm,	_____ : một cách thích thú

		thích thú	
- _____: sự giảng dạy - _____: người dạy, huấn luyện viên	instruct: dạy, truyền kiến thức cho	_____ : để truyền kiến thức	
peace: hòa bình		_____ : hòa bình, yên tĩnh	
beauty: vẻ đẹp	_____ : làm đẹp	Beautiful: xinh đẹp	_____ : xinh đẹp, hay
_____ : lời cầu nguyện	Pray: cầu nguyện		